

HOSE 02/07/2014

VNINDEX 578.79 0.72 0.12%

KLGD 109,096,029 CP
GTGD 1,659.91 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 163 CP
CP Giảm giá 52 CP
CP Đứng giá 89 CP



Tâm điểm

► **Dòng tiền gia tăng, 2 sàn tăng điểm tích cực**

► **Thanh khoản gia tăng khá tốt trong phiên hôm nay**

Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,300 tỷ đồng

► **Tổng mức bán lẻ 6 tháng đầu năm đạt 1.44 triệu tỷ đồng, tăng 10.7%**

Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ chỉ tăng 5.7%

Người Đồng Hành

► **Kinh tế Việt Nam có thể đạt tăng trưởng 5.8% năm 2014**

Theo báo cáo "Tình hình kinh tế 6 tháng và tháng 6 năm 2014" của NFSC

Vneconomy

► **Sản xuất Eurozone tăng trưởng chậm, tỷ lệ thất nghiệp không đổi**

Tháng 6 lại ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm nhất kể từ tháng 11/2013.

Bloomberg

► **JVC: 6 tháng đầu năm 2014, ước đạt hơn 30 tỷ đồng lợi nhuận**

Được biết, năm 2014, JVC đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 140 tỷ đồng

Đầu tư Chứng khoán

► **KDC: 5 tháng đầu năm ước đạt 112 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế**

Tăng 6% so với cùng kỳ năm trước

Trí Thức Trẻ

HNX 02/7/2014

HNXINDEX 78.90 0.82 1.05%

KLGD 77,138,865 CP
GTGD 744.28 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 135 CP
CP Giảm giá 55 CP
CP Đứng giá 189 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 620.20 2.24 0.36%

HNX30 160.60 2.40 1.52%

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,021,555	13.9	3.1	20.8%	11.1%
HNX	126,056	17.6	1.5	7.5%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,147,611	15.8	3.0	19.6%	10.4%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,946	5.8	0.9	15.8%	10.7%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,231	6.9	1.4	20.8%	15.2%	
Thép và sản phẩm thép	37,432	20.3	2.1	18.2%	7.8%	
Khai khoáng	12,062	52.6	5.0	2.2%	1.5%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,694	17.3	1.4	11.5%	8.2%	
Xây dựng	28,726	-	33.8	1.1	-4.1%	1.5%
Máy công nghiệp	8,119	6.3	1.3	21.3%	14.7%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,018	13.8	1.3	14.2%	10.8%	
Lốp xe	7,644	9.3	2.6	29.1%	12.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	15,790	9.7	1.3	14.5%	6.4%	
Thực phẩm	196,188	22.4	4.6	21.5%	16.6%	
Dược phẩm	15,324	12.0	3.0	25.7%	16.7%	
Phần mềm	16,361	10.0	2.1	22.1%	9.6%	
Sản xuất & phân phối điện	21,822	-	5.5	1.2	-6.9%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,565	18.1	5.8	33.0%	22.1%	
Bảo hiểm nhân thọ	28,103	22.8	2.2	10.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	25,488	13.8	1.4	8.4%	6.3%	
Ngân hàng	246,060	11.1	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản	131,636	11.1	2.4	27.4%	6.8%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,773	9.9	1.9	20.5%	8.4%	

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tổng mức bán lẻ 6 tháng đầu năm đạt 1.44 triệu tỷ đồng, tăng 10.7%

Kinh tế Việt Nam có thể đạt tăng trưởng 5.8% năm 2014

Sản xuất Eurozone tăng trưởng chậm, tỷ lệ thất nghiệp không đổi

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

JVC: 6 tháng đầu năm 2014, ước đạt hơn 30 tỷ đồng lợi nhuận

KDC: 5 tháng đầu năm ước đạt 112 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

TMC: Ước đạt 14.4 tỷ đồng lợi nhuận trong 6 tháng

► Tin kinh tế

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm tính đạt 1,439 nghìn tỷ đồng, tăng 10.7% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ chỉ tăng 5.7%. Đây là mức tăng thấp mà theo Tổng cục Thống kê thì nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, việc làm và thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng nên người tiêu dùng có xu hướng chi tiêu tiết kiệm hơn.

Trong báo cáo “Tình hình kinh tế 6 tháng và tháng 6 năm 2014” được công bố ngày 2/7, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia (NFSC) đánh giá tăng trưởng và sản xuất tiếp tục cải thiện. Tăng trưởng GDP 6 tháng/2014 đạt 5.2%, cao hơn so với mức 4.9% của cùng kỳ 2 năm trước. Theo nhận định của NFSC, kinh tế Việt Nam đang tiếp tục xu hướng tăng kể từ quý 2/2013 và có thể sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng 5.8% trong cả năm 2014 dù nhiều tổ chức đã hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu do bất ổn địa chính trị. Đánh giá về lạm phát, NFSC nhận định nếu không có những biến động về giá các mặt hàng cơ bản thì nhiều khả năng lạm phát cả năm 2014 sẽ vào khoảng 5%, sau khi đứng ở mức 4.98% trong tháng 6.

Sản xuất của khu vực tăng trưởng chậm hơn so với dự báo do sản xuất tại Pháp suy yếu nhưng tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở 11.6%. Tháng 6, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) của lĩnh vực sản xuất tại khu vực đồng euro giảm xuống 51.8 điểm so với 52.2 điểm của tháng 5. Mặc dù trong 12 tháng liên tục, chỉ số PMI sản xuất của khu vực duy trì trên ngưỡng tăng trưởng (50 điểm) nhưng tháng 6 lại ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm nhất kể từ tháng 11/2013.

► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ CTCP Thiết bị y tế Việt Nhật (HOSE: JVC), 6 tháng đầu năm 2014, công ty ước đạt hơn 300 tỷ đồng doanh thu và hơn 30 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Cùng kỳ năm ngoái, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của JVC đạt lần lượt là 241 tỷ đồng và 13.53 tỷ đồng. Được biết, ngày 23/6/2014, ĐHCĐ JVC đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014, với doanh thu 905 tỷ đồng, tăng 52%; lợi nhuận sau thuế 140 tỷ đồng, tăng 234% so với năm 2013; tỷ lệ cổ tức 15%. ĐHCĐ cũng thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 là 15%, trong đó 5% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu.

Trong phần thảo luận với cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của CTCP Kinh Đô (HOSE: KDC), liên quan đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm đại diện của KDC cho biết: KDC chưa có con số ước về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014. Tuy nhiên, về kết quả kinh doanh 5 tháng đầu 2014 đã có. Theo đó, 5 tháng đầu năm, doanh thu thuần đạt 1,454 tỷ đồng, tăng khoảng 3% và lợi nhuận trước thuế đạt 112 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.

Năm nay, KDC tiếp tục tái cấu trúc công ty theo nguyên tắc gom các công ty cùng ngành hàng về với nhau. Sau tái cấu trúc, KDC sẽ có các ngành hàng chuyên biệt gồm: Bánh kẹo, Kem sữa, Mì gói, Dầu ăn, Cà phê, Bán lẻ.

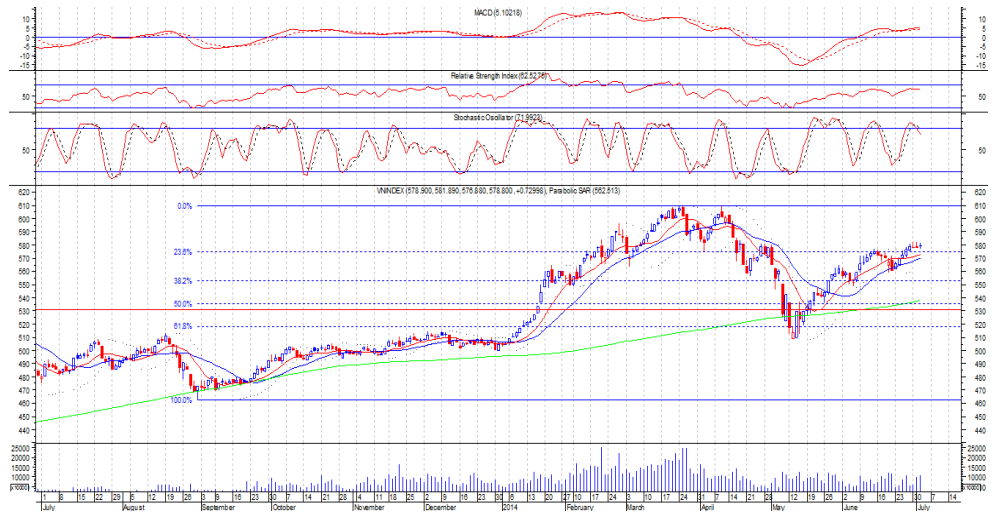
Ông Nguyễn Thanh Bình, thành viên HĐQT CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (HNX: TMC) cho biết, trong 6 tháng đầu năm, Công ty ước đạt doanh thu 1,184 tỷ đồng và lợi nhuận ước đạt 14.4 tỷ đồng. Theo đại diện TMC, dù giá xăng vừa qua có điều chỉnh tăng nhưng thực tế, tỷ lệ hoa hồng mà các đại lý xăng dầu nói chung và TMC nói riêng đang được hưởng hiện tại là khá thấp nên việc giá xăng tăng không tác động nhiều đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. TMC vừa thông qua chủ trương mua một số xe tải mới để vận chuyển xăng dầu. Năm 2014, TMC đặt kế hoạch doanh thu 2,180 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 15.78 tỷ đồng, cổ tức 9%.

HOSE 02/07/2014 VNINDEX 578.79 0.72 0.12% 109,096,029 CP 1,659.91 bil VND

Dòng tiền gia tăng, 2 sàn giao dịch tích cực

VN-Index tăng 0.73 điểm (+0.13%), đóng cửa tại mức 578.80 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thứ 3 liên tiếp tăng điểm nhẹ nhưng độ rộng thị trường lại khá lớn.

- MACD tiếp tục gia tăng mạnh, cho thấy tín hiệu tăng điểm VN-Index vẫn được củng cố.
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm.
- MA10, MA20 gia tăng và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở mức 62.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.5 (4.4%)	11,326,930
ITA	0.1 (1.2%)	7,242,910
HQC	0.2 (2.5%)	5,493,340
PVT	0.8 (6.6%)	4,328,910
DXG	0 (0.0%)	3,980,520

HOSE Top 5 theo % tăng

SGT	0.3 (7.0%)	12,400
VNG	0.7 (6.9%)	110
HDG	1.9 (6.9%)	623,810
ASIAGF	0.6 (6.7%)	10
PTL	0.2 (6.7%)	1,214,090

HOSE Top 5 theo % giảm

C47	-2.3 (-11.2%)	400
ALP	-0.3 (-7.0%)	1,710
TTP	-1.3 (-6.8%)	150
VLF	-0.4 (-6.7%)	5,400
TLG	-2.6 (-6.4%)	15,010

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CSM	9,2 tỷ	211,970
DRC	8,8 tỷ	166,570
PVD	8,2 tỷ	98,250
FCN	7,4 tỷ	297,420
KBC	7,0 tỷ	620,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VSH	-26,9 tỷ	1,759,790
HAG	-10,9 tỷ	442,430
VCB	-5,5 tỷ	213,940
DPM	-4,2 tỷ	131,600
KDC	-2,5 tỷ	42,260

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	6,017,048	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch khá tích cực, độ rộng gia tăng, cả sàn có hơn 163 mã tăng giá trong đó có 17 mã tăng trần. VN-Index chịu ảnh hưởng nhiều của mã GAS.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 107 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng khá tốt, nhìn chung lực cầu giá cao đã có dấu hiệu quay trở lại và gia tăng tốt ở cuối phiên.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 31 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, tuy nhiên vẫn nên hạn chế dùng margin ở giai đoạn này khi thanh khoản chưa thực sự bùng phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	18.7	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	125.0	104,179.67	15.9	5.4	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.9	69,024.27	15.7	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.5	67,979.30	202.8	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	64.5	57,678.51	7.8	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.2	42,730.28	9.2	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	41.3	28,103.47	22.8	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	53.5	25,782.09	11.0	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.3	23,192.99	10.7	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

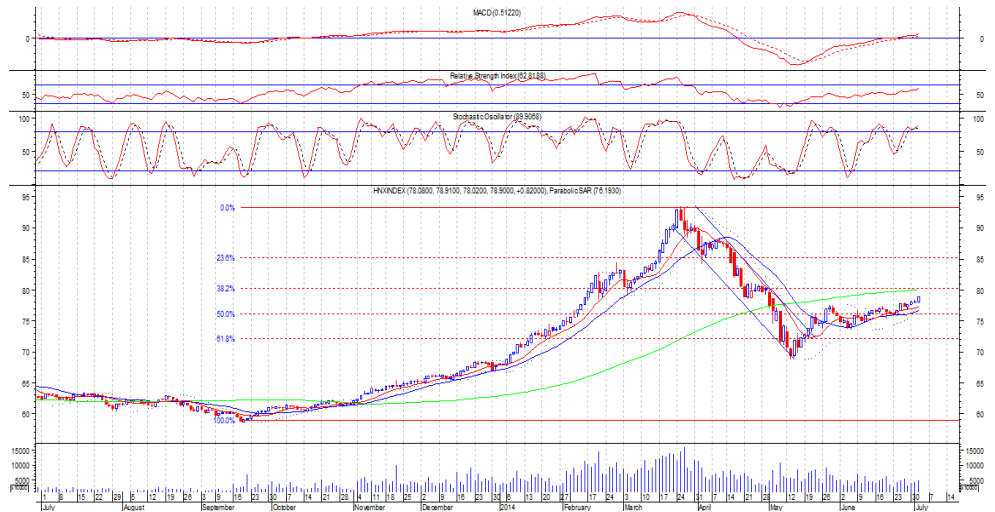
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.0	3,326.18	12.9	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	47.0	16,163.03	10.0	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	19.8	2,234.66	15.1	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.0	3,183.49	8.4	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.0	729.00	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.0	524.59	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 02/07/2014 HNX-Index 78.90 0.82 1.05% 77,138,865 CP 744.28 bil. VND

Dòng tiền gia tăng, 2 sàn giao dịch tích cực

Chỉ số HNX-Index tăng 0.82 điểm (+1.05%), đóng cửa tại mốc 78.90 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, chỉ số này tiếp tục tăng điểm khá tích cực và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng và bắt đầu cắt lên đường zero - base.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 62.
- HNX-Index tích lũy khá tốt ở vùng Fb 50% và MA20. Kỳ vọng chỉ số này sẽ hướng tới vùng kháng cự 80 điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (2.3%)	4,719,130
KLS	0.4 (3.3%)	4,630,320
SHS	0.2 (2.2%)	3,513,760
DCS	0.4 (6.8%)	3,038,440
KLF	0.1 (0.9%)	3,025,100

HNX Top 5 theo % tăng

SKS	1 (10.0%)	200
TV3	1.4 (9.9%)	1,100
TKU	0.9 (9.4%)	400
HDA	1 (9.3%)	5,300
VC7	0.6 (9.1%)	6,500

HNX Top 5 theo % giảm

TH1	-2.9 (-10.0%)	600
GMX	-1.3 (-9.8%)	25,000
PRC	-1.3 (-9.5%)	200
TXM	-0.8 (-9.4%)	4,600
LM7	-0.5 (-9.3%)	500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	23,5 tỷ	787,500
KLS	10,1 tỷ	814,300
FIT	3,5 tỷ	240,000
VCG	2,6 tỷ	191,200
PPS	0,6 tỷ	48,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-4,4 tỷ	240,000
INN	-1,4 tỷ	50,000
SHB	-0,4 tỷ	36,400
BVS	-0,1 tỷ	9,000
PVX	-0,1 tỷ	20,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	2,449,600	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch khá tích cực, độ rộng gia tăng, HNX-Index tăng điểm hơn 1% và đóng cửa ở mức cao nhất phiên
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 48 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng khá tốt, nhìn chung lực cầu giá cao đã có dấu hiệu quay trở lại và gia tăng tốt ở cuối phiên.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 36 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ HNX-Index hướng tới vùng kháng cự 80 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, tuy nhiên vẫn nên hạn chế dùng margin ở giai đoạn này khi thanh khoản chưa thực sự bùng nổ.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	30.0	13,401.01	8.7	1.5	19.3%	6.2%
SHB	886.1	9.8	8,683.62	10.6	0.8	7.9%	0.7%
SQC	110.0	77.8	8,558.00	264.0	6.5	-2.4%	-2.0%
VCG	441.7	13.6	6,007.27	13.0	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.8	4,463.20	16.1	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
LAS	77.8	34.7	2,700.77	6.0	1.9	33.5%	17.5%
VNR	131.1	20.6	2,700.16	7.8	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.9	1,212.20	7.7	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.7	370.26	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.7	1,618.84	11.5	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	18.8	940.00	10.7	1.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.8	297.67	5.9	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	15.35%	92.5	202.80	4.55	193,075	130,423	161,770
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	14.46%	64.5	7.76	3.71	311,510	219,088	427,627
HPG	HOSE	481.9	25,782.09	11.74%	53.5	10.99	2.52	721,512	579,680	652,521
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	10.72	2.22	341,997	327,820	362,079
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	8.01%	32.2	6.48	1.40	867,050	868,105	1,451,152
HAG	HOSE	718.2	17,738.42	7.98%	24.7	14.49	1.33	2,334,017	2,319,608	2,825,816
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.27	6.11%	25.9	15.73	1.58	774,600	569,475	634,940
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	4.13%	20.3	10.70	1.42	3,582,308	2,762,148	1,544,047
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	3.08%	41.3	22.81	2.24	226,780	195,792	367,381
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	2.71%	8.2	102.44	0.74	4,630,661	4,571,999	5,938,210
HSG	HOSE	96.3	4,305.20	2.68%	44.7	10.70	1.89	104,408	88,674	150,235
GMD	HOSE	114.4	3,844.57	2.26%	33.6	125.78	0.86	239,776	214,976	283,201
PPC	HOSE	318.2	6,522.17	2.03%	20.5	7.14	1.16	265,980	224,118	452,665
VSH	HOSE	206.2	3,196.74	1.74%	15.5	14.97	1.20	420,452	277,027	432,649
CSM	HOSE	67.3	2,954.12	1.64%	43.9	7.66	2.19	418,956	359,667	369,831
KBC	HOSE	389.8	4,482.24	1.48%	11.5	25.21	0.85	1,225,325	1,012,819	880,253
DRC	HOSE	83.1	4,402.91	1.33%	53.0	11.28	2.95	299,463	192,488	237,024
PVT	HOSE	255.9	3,326.18	1.18%	13.0	12.92	1.09	1,712,860	1,121,554	863,798
DIG	HOSE	143.0	2,287.93	1.01%	16.0	42.17	0.95	123,379	189,829	317,460
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	0.91%	11.0	47.68	1.01	1,367,142	1,334,465	1,940,805
PET	HOSE	69.8	1,285.09	0.87%	18.4	8.15	0.97	1,579,216	1,094,844	688,754

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,401.01	5.37%	30.0	8.67	1.54	2,605,530	1,933,667	2,061,073
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	8.00%	64.5	7.76	3.71	311,510	219,088	427,627
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.27	7.00%	25.9	15.73	1.58	774,600	569,475	634,940
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	6.50%	41.3	22.81	2.24	226,780	195,792	367,381
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	5.79%	32.2	6.48	1.40	867,050	868,105	1,451,152
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	4.26%	20.3	10.70	1.42	3,582,308	2,762,148	1,544,047
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	10.72	2.22	341,997	327,820	362,079
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	3.73%	8.2	102.44	0.74	4,630,661	4,571,999	5,938,210
SHB	HNX	886.1	8,683.62	2.86%	9.8	10.64	0.81	4,789,597	4,212,589	6,262,557
PPC	HOSE	318.2	6,522.17	1.58%	20.5	7.14	1.16	265,980	224,118	452,665
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	2.33%	11.0	47.68	1.01	1,367,142	1,334,465	1,940,805
GMD	HOSE	114.4	3,844.57	1.62%	33.6	125.78	0.86	239,776	214,976	283,201
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	8.00%	92.5	202.80	4.55	193,075	130,423	161,770
HAG	HOSE	718.2	17,738.42	2.83%	24.7	14.49	1.33	2,334,017	2,319,608	2,825,816
DRC	HOSE	83.1	4,402.91	1.28%	53.0	11.28	2.95	299,463	192,488	237,024
VCG	HNX	441.7	6,007.27	3.58%	13.6	12.97	1.04	1,158,595	1,315,048	1,778,575
PVT	HOSE	255.9	3,326.18	2.05%	13.0	12.92	1.09	1,712,860	1,121,554	863,798

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.00%	64.5	7.76	3.71	311,510	219,088	427,627
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.00%	92.5	202.80	4.55	193,075	130,423	161,770
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	0.00%	32.2	6.48	1.40	867,050	868,105	1,451,152
HAG	HOSE	718.2	17,738.42	0.00%	24.7	14.49	1.33	2,334,017	2,319,608	2,825,816
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.27	0.00%	25.9	15.73	1.58	774,600	569,475	634,940
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.00%	20.3	10.70	1.42	3,582,308	2,762,148	1,544,047
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	0.00%	41.3	22.81	2.24	226,780	195,792	367,381
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	8.58	0.98	262,160	243,671	453,849
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	18.70	5.93	312,982	341,932	455,166

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.81%	92.5	202.80	4.55	193,075	130,423	161,770
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.55%	64.5	7.76	3.71	311,510	219,088	427,627
DPM	HOSE	379.9	12,233.88	0.26%	32.2	6.48	1.40	867,050	868,105	1,451,152
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.27	0.20%	25.9	15.73	1.58	774,600	569,475	634,940
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.14%	20.3	10.70	1.42	3,582,308	2,762,148	1,544,047
BVH	HOSE	680.5	28,103.47	0.10%	41.3	22.81	2.24	226,780	195,792	367,381

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,946	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,231	6.9	1.4	20.8%	15.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,757	22.8	0.8	2.9%	1.8%
Sản xuất giấy	765	7.9	0.7	10.7%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,432	20.3	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,625	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	12,062	52.6	5.0	2.2%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,694	17.3	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	28,726	-	33.8	-4.1%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,125	7.3	1.2	17.5%	9.3%
Công nghiệp phức hợp	797	4.1	0.9	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,708	9.7	0.9	7.7%	3.8%
Thiết bị điện	1,695	-	18.0	-0.3%	-1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,119	6.3	1.3	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,012	-	2.7	0.8	3.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,018	13.8	1.3	14.2%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,788	8.5	1.4	18.2%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,431	10.4	1.4	13.8%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	198	9.4	0.6	8.3%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	178	8.2	0.8	10.5%	4.6%
Chất thải & Môi trường	151	2.3	0.7	34.6%	17.1%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,723	9.7	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	7,644	9.3	2.6	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,814	7.0	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	351	13.0	2.1	18.7%	11.5%
Đồ uống & giải khát	261	7.5	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,790	9.7	1.3	14.5%	6.4%
Thực phẩm	196,188	22.4	4.6	21.5%	16.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,103	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	8.5	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,110	8.6	1.5	17.9%	7.0%
Giày dép	8	-	1.1	0.5	-33.3%
Hàng cá nhân	4,793	8.7	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	698	-	8.4	1.0	0.2%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		841	15.1	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		137	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		177	8.4	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,324	12.0	3.0	25.7%	16.7%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		367	48.1	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		727	13.0	1.1	12.7%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,184	8.8	1.3	14.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,018	8.1	0.9	12.3%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		211	9.2	4.0	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,636	35.3	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,210	27.8	1.4	15.1%	12.8%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,212	10.8	2.1	16.5%	14.6%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		537	21.3	0.7	3.1%	1.2%
Internet		318	67.1	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,361	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		417	14.9	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		268	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,093	14.1	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,822	-	5.5	-6.9%	3.0%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		216,565	18.1	5.8	33.0%	22.1%
Nước		1,179	6.4	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,141	5.1	0.7	15.3%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,624	12.5	0.7	5.8%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,753	7.8	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,103	22.8	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,240	47.7	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		25,488	13.8	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		246,060	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		131,636	11.1	2.4	27.4%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		37,773	9.9	1.9	20.5%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.